

Bản án số: 140/2024/DS - ST
Ngày: 30 - 9 - 2024.
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Giang Thành

Ông Cao Minh Trung

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang: Bà Trần Phương Thúy, đại diện Viện kiểm sát tham gia.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 187/2024/TLST - DS ngày 07 tháng 05 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2024/QĐXXST- DS ngày 29 tháng 08 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2024/QĐST-DS ngày 13 tháng 09 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Đào Thị T**, sinh năm: 1962 (có mặt).

Chị **Nguyễn Thị Yên N**, sinh năm: 1989 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Anh **Nguyễn Phú C**, sinh năm: 1993 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: **Ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang.**

Bị đơn: Bà **Trần Thị Ngọc B**, sinh năm: 1963 (có mặt)

Địa chỉ: **Ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn bà **Đào Thị T** trình bày:

Vào tháng 04/2021, bà **B** có hoàn cảnh khó khăn nên cần tiền chuộc lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chồng bà ông **H** có hỏi vay số tiền 50.000.000 đồng để chuộc lại giấy chứng nhận QSD đất, vì tin tưởng có người

giới thiệu cho mượn tiền là chú Năm P nên vợ chồng bà đã cho mượn số tiền này, nhưng chị B chỉ hứa mà không trả, dần dần chị B cố tình né tránh.

Nay ông Nguyễn Chiến H đã chết nên nguyên đơn bà T cùng các con anh C, chị N khởi kiện yêu cầu chị B phải trả số tiền 50.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 28/4/2021 cho đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm.

2. Bà Trần Thị Ngọc B trình bày:

Tòa án đã thực hiện thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng (như: thông báo thụ lý, thông báo thời gian mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án và quyết định hoãn phiên tòa) trực tiếp cho bị đơn chị Trần Thị Ngọc B nhưng bị đơn chị Trần Thị Ngọc B không có mặt và không có văn bản trình bày ý kiến theo yêu cầu của Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Đào Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Ngọc B trả tiền gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 28/4/2021 cho đến ngày Tòa án xét xử.

- Bị đơn bà Trần Thị Ngọc B thừa nhận bà có vay của vợ chồng bà T số tiền gốc 50.000.000 đồng và chưa thanh toán cho vợ chồng bà T bất cứ khoản tiền nào. Nay bà T yêu cầu trả tiền vay gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 28/4/2021 theo quy định pháp luật cho đến khi Tòa án xét xử thì bà cũng đồng ý. Tuy nhiên, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà xin trả dần 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang có ý kiến phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Việc cấp tổng đạt cho người tham gia tố tụng nhìn chung đã thực hiện đúng quy định. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình như cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, chấp hành các văn bản tố tụng của Tòa án theo đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, tại phiên tòa bị đơn bà Trần Thị Ngọc B thừa nhận có vay của vợ chồng bà T số tiền gốc 50.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền gốc số tiền vay 50.000.000 đồng và lãi theo quy định pháp luật từ ngày 28/4/2021 cho đến khi Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này

của bà **B**. Riêng đối với yêu cầu xin trả dần của bà **B** không được bà **T** đồng ý và căn cứ Thông tư Liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của TAND Tối Cao - VKSND Tối cao - Bộ Tư pháp - **Bộ T2** quy định việc quyết định cho đương sự trả một lần hay nhiều lần thuộc thẩm quyền của Cơ quan thi hành án khi bản án có hiệu lực thi hành nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử buộc các đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Đào Thị T**, chị **Nguyễn Thị Yến N** và anh **Nguyễn Phú C** về việc yêu cầu bị đơn chị **Trần Thị Ngọc B** phải trả tiền vay và lãi nên quan hệ tranh chấp của vụ kiện được xác định đây tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do bị đơn chị **Trần Thị Ngọc B** có địa chỉ cư trú tại **xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang** nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

[2]. *Về nội dung vụ án:*

[2.1]. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà **Đào Thị T** cho rằng: Tháng 4/2021, bà **Trần Thị Ngọc B** có vay của vợ chồng bà là ông **Nguyễn Chiến H** số tiền gốc 50.000.000 đồng để chuộc lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc vay mượn tiền có sự chứng kiến của ông **Lê Văn P1** và có làm biên nhận nợ đề ngày 28/4/2021. Tuy nhiên, sau khi ông **H** chết thì chị **B** không thanh toán nợ, nhiều lần hứa hẹn nhưng không thực hiện. Nay bà cùng các con ông **H** là chị **N**, anh **C** yêu cầu chị **B** phải thanh toán số tiền gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 28/4/2021 đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm.

Xét lời khai của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào biên nhận nợ đề ngày 28/4/2021 thể hiện chị **Trần Thị Ngọc B** có mượn của ông **Nguyễn Chiến H** số tiền gốc 50.000.000 đồng (BL 09). Tại biên bản hòa giải đề ngày 21/6/2022 của Ban lãnh đạo **ấp T, xã M** thể hiện: Chị **Trần Thị Ngọc B** thừa nhận có nợ ông **H** số tiền 50.000.000 đồng và tiền lãi theo biên nhận nợ là 5%/tháng nhưng từ khi mượn nợ đến khi ông **H** chết thì chị **B** chưa thanh toán cho ông **H** bất cứ khoản tiền gốc, lãi nào. Tại buổi hòa giải, Ban lãnh đạo **ấp** đã động viên và hoà giải nên vợ ông **H** là bà **T** đồng ý cho chị **B** tiền lãi, đồng ý cho chị **B** trả gốc và lãi là 60.000.000 đồng (BL 29).

Đồng thời, tại biên bản xác minh ngày 27/8/2024, đối với ông **Lê Văn P1** thể hiện: Chị **B** là cháu ông, do chị **B** khó khăn nên có năn nỉ ông dẫn chị **B** đến nhà ông **H** để chị **B** vay tiền ông **H** để lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi vay tiền của ông **H**, chị **B** có làm biên nhận nợ và ông có ký tên giấy nhận nợ là người làm chứng (BL 33). Ngoài ra, tại biên bản xác minh đối với ông **Trần Văn P2** là người trực tiếp hòa giải tiền vay giữa bà **T** với chị **B** thể hiện nội dung: Ngày 21/6/2022, Ban lãnh đạo **áp T** có hòa giải tranh chấp nợ giữa chị **B** với bà **T**, theo đó chị **B** cho rằng hoàn cảnh khó khăn nên xin bà **T** trả gốc 50.000.000 đồng và lãi 10.000.000 đồng nên bà **T** đồng ý (BL 32).

Bên cạnh đó, tại phiên toà sơ thẩm, chị **B** thừa nhận có nợ ông **H** số tiền gốc 50.000.000 đồng nên đồng ý trả tiền gốc và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 28/4/2021 đến khi Toà án xét xử sơ thẩm.

Về lãi suất: Theo nguyên đơn bà **T** xác định từ ngày vay đến nay, bị đơn **B** chưa thanh toán gốc, lãi nào và chị **B** cũng thừa nhận chị chưa thanh toán bất cứ khoản tiền nào cho ông **H** cũng như bà **T**, chị **N** và anh **C**. Căn cứ biên nhận nợ đề ngày 28/4/2021 thấy việc vay tiền có thỏa thuận lãi nhưng lãi suất do hai bên thỏa thuận 5%/tháng là vượt quy định nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 357, Điều 468 điều chỉnh lãi suất theo quy định pháp luật là 20%/năm tương đương 1,66%/tháng. Theo đó, tiền lãi đối với số tiền gốc vay từ ngày vay 28/4/2021 đến ngày 30/9/2024 tương đương là 41 tháng 02 ngày nhưng bà **T** đồng ý làm tròn 41 tháng, với số tiền cụ thể:

$$50.000.000 \text{ đồng} \times 41 \text{ tháng} \times 1,66\%/\text{tháng} = 34.030.000 \text{ đồng.}$$

Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi là 84.030.000 đồng và chị **B** tự nguyện trả tiền gốc và lãi cho bà **T** và các con của ông **H**. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của chị **B**.

[2.2]. Xét yêu cầu xin trả dần của chị **B**, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị **B** xin trả dần 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ nhưng không được bà **T** đồng ý. Do đó, căn cứ Thông tư Liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của TAND Tối Cao - VKSND Tối cao - Bộ Tư pháp - **Bộ T2** quy định việc quyết định cho đương sự trả một lần hay nhiều lần thuộc thẩm quyền của Cơ quan thi hành án khi bản án có hiệu lực thi hành nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý

và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Đào Thị T** và các nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 91, 147, 235, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 357, 463, 466, 468, 471 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Đào Thị T**, chị **Nguyễn Thị Yến N** và anh **Nguyễn Phú C** về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn chị **Trần Thị Ngọc B**.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của chị **Trần Thị Ngọc B** thanh toán cho bà **Đào Thị T**, chị **Nguyễn Thị Yến N** và anh **Nguyễn Phú C** tiền gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi 34.030.000 đồng, tổng cộng số tiền gốc và lãi 84.030.000 đồng (*bằng chữ: **TI** mươi bốn triệu, không trăm ba mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của xét xử sơ thẩm, nếu chị **Trần Thị Ngọc B** không trả hoặc trả không đủ số tiền nêu trên, thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định được quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Buộc bị đơn chị **Trần Thị Ngọc B** phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với số tiền là 84.030.000 đồng x 5% = 4.201.500 đồng (*bằng chữ: Bốn triệu hai trăm lẻ một nghìn năm trăm đồng*).

- Bà **Đào Thị T**, anh **Nguyễn Phú C**, chị **Nguyễn Thị Yến N** không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà **Đào Thị T**, anh **Nguyễn Phú C** và chị **Nguyễn Thị Yến N** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng (*bằng chữ: Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) do bà **Đào Thị T** nộp theo biên lai thu tiền số

0007144 ngày 18 tháng 03 năm 2024 của Chi cục thi hành án huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng chị **N**, anh **C** vắng mặt được quyền kháng cáo bản án 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tú Quỳnh